

costly (adj)

/'kɒstli/

đắt đỏ, tổn kém



cultural (adj)

/'kʌltʃərəl/

thuộc văn hóa



decorative (adj)

/'dekərətɪv/

dùng để trang trí



diverse (adj)

/daɪ'vɜːs/

đa dạng



documentary (adj)

/ˌdɒkju'mentri/

thuộc tài liệu



dominant (adj)

/'dɒmɪnənt/

chiếm ưu thế, nổi trội